

THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP BÁCH CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT Ở NGÀ

TS. Nguyễn Cảnh Toàn
Viện Nghiên cứu Châu Âu

Các nghiên cứu về cộng đồng người Việt ở nước ngoài luôn được Đảng và Nhà nước Việt Nam coi trọng, nhất là sau khi có Nghị quyết số 36/NQ-TW ngày 26/3/2004 của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài. Cộng đồng người Việt ở LB Nga tuy không đông như một số cộng đồng ở một vài nước khác nhưng luôn được các nhà lãnh đạo Việt Nam dành sự quan tâm đặc biệt. Trong bài này chúng tôi tập trung đề cập một vài vấn đề cấp bách của cộng đồng này.

1. Sự hình thành và phát triển

Cộng đồng người Việt Nam ở LB Nga và khu vực Liên Xô cũ được hình thành trong điều kiện lịch sử đặc biệt, là sản phẩm của quan hệ hữu nghị Việt - Xô trước đây. Hai nước đã thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1950 và hợp tác giữa kinh tế - thương mại cũng sớm được quan tâm thúc đẩy, khởi đầu bằng việc ký “Hiệp định hợp tác kinh tế thương mại Việt-Xô” ngày 18/6/1955¹.

Từ những năm 20 của thế kỷ XX cho đến đầu 1980, số lượng người Việt Nam ở Nga chưa nhiều, dao động theo chiều hướng tăng dần, nhưng lúc cao nhất cũng chỉ khoảng trên dưới 1.000/người, chủ yếu là lưu học sinh được Đảng và Nhà nước gửi đi đào tạo, trong đó có một số rất ít đã ở lại do những nguyên nhân khác nhau.

Giai đoạn 1951-1991 theo các Hiệp định Đào tạo, đã có 20.160 lượt học sinh, sinh

viên, thực tập sinh, nghiên cứu sinh (viết tắt - LHS) được Chính phủ Việt Nam gửi sang LB Xô viết học tập, trung bình hàng năm khoảng 400-500 lượt người và càng về sau thì số lượng càng tăng hơn. Phần lớn số này sau khi tốt nghiệp đã trở về đất nước phục vụ. Số ít do có quan hệ hôn nhân với công dân nước sở tại hoặc các lý do khác đã ở lại làm ăn, sinh sống.

Người Việt ở Nga thực sự thành cộng đồng chỉ bắt đầu từ những năm 80 của thế kỷ XX, sau khi Cộng hòa XHCN Việt Nam ký Hiệp định Hợp tác lao động với Liên bang cộng hòa XHCN Xô viết (02/4/1981).

Có thể phân chia quá trình hình thành và phát triển của cộng đồng thành các giai đoạn sau:

Giai đoạn 1: Trong 9 năm triển khai thực hiện Hiệp định, từ tháng 5/1981 đến đầu 1990, Việt Nam đã đưa 103.000 lao động sang làm việc tại 400 xí nghiệp ở 7 nước cộng hòa thuộc Liên Xô trước đây.

¹ Bộ Ngoại giao Việt Nam
http://www.mofa.gov.vn/vi/nr040807104143/nr040807105001/ns050203085156/newsitem_print_preview

Giai đoạn 2: Từ nền kinh tế tập trung kế hoạch hóa, trên cơ sở công hữu cao; tài sản, tư liệu sản xuất được xem là sở hữu của toàn dân do nhà nước quản lý, LB Nga đã chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường. Giai đoạn 1991 - 1993 là thời kỳ LB Nga bắt đầu tiến hành cải cách thị trường bằng liệu pháp “sốc”, tự do hóa giá cả, mở cửa kinh tế, thực hiện tư nhân hóa (bán quyền sở hữu công khai trên thị trường chứng khoán, bán quyền sở hữu cho tư nhân, tái tổ chức hoặc đầu tư tư nhân vào các doanh nghiệp sở hữu nhà nước...). Việc cải cách sở hữu nhằm mục tiêu sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực, bảo đảm sự công bằng cho mọi người dân, tạo nên một đội ngũ doanh nghiệp năng động, có khả năng cạnh tranh cao, làm ra nhiều của cải vật chất cho xã hội là mong muốn của các nhà cải cách. Tuy nhiên chuyển đổi sở hữu được tiến hành theo liệu pháp sốc (*шоковая терапия*)² đồng loạt với tự do hoá giá cả, tự do hoá thương mại, trong tình trạng hệ thống pháp lý chưa đồng bộ, tài chính tín dụng yếu kém, thiếu vắng các yếu tố hạ tầng như thị trường chứng khoán, thị trường vốn, bảo hiểm, kiểm toán v.v.. làm cho nảy sinh nhiều bất cập và kết quả đạt được khác xa với mục tiêu ban đầu.

Sự chuyển đổi từ hình thức sở hữu với tốc độ tư nhân hoá kỷ lục làm thúc đẩy hình thành và phát triển nhanh chóng nền kinh tế thị trường, nhưng mặt khác dẫn đến xã hội rối ren, hầu hết các nhà máy, xí nghiệp thiếu việc làm hoặc phá sản; đất nước khủng hoảng trầm trọng. Người Nga thất nghiệp và hiển nhiên lao động nhập cư cũng vậy. Hiệp định hợp tác lao động trên thực tế bị đơn phương chấm dứt và lao động Việt Nam bị trả về nước trước thời hạn. Vào thời điểm đó, nhiều nhà máy, xí nghiệp ở Nga không đủ khả năng mua vé cho lao động Việt Nam về nước nên việc đền bù thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng với người lao động cũng càng không thể giải quyết được như Cộng hòa LB Đức (cũng tương tự đơn phương chấm dứt hợp đồng với người lao động). Trước thực tế đó, một bộ phận lao động Việt Nam tự phát đi đến quyết định quan trọng: ở lại làm ăn, buôn bán tại Nga hoặc sang nước thứ ba để mưu sinh.

Một tương lai bất định khó lường đoán, nhưng phần lớn người Việt lúc đó vẫn quyết định ở lại Nga làm ăn. Một số ít hơn có quan hệ bà con người Việt ở châu Âu hoặc không có nhưng vẫn quyết tâm từ bỏ nước Nga để tìm chân trời mới.

Trước điều kiện chuyển đổi nền kinh tế của nước Nga và để đảm bảo quyền lợi người lao động, ngày 29/9/1992 Chính phủ Việt Nam và Chính phủ LB Nga đã ký Hiệp định mới “Về những nguyên tắc gửi và tiếp nhận công dân Việt Nam sang làm việc tại các xí nghiệp, liên hiệp xí nghiệp và tổ chức của Liên bang Nga”. Tuy nhiên, do những thay

² Игорь Тимурович Гайдар (Yegor Timurovich Gaidar): Quyền Thủ tướng Nga (15.6-14.12.1992), tác giả các cuộc cải cách kinh tế tại Nga đầu những năm 90 thế kỷ trước. Cụ thể, dưới sự lãnh đạo của Gaidar, tự do hoá giá bán lẻ đã được tiến hành và khởi động quá trình tư nhân hoá. Hậu quả là nền kinh tế Nga phải gồng mình gánh chịu đợt lạm phát phi mã vào những năm 1992 - 1993. http://www.peoples.ru/state/politics/egor_gaydar/index.html
Сергей Владиленович Кириенко (Sergei Vladilenovich Kiriyenko): Quyền Thủ tướng Nga (24.4.1998-23.8.1998) - một trong những tác giả của liệu pháp “shok”, góp phần đưa nền kinh tế Nga đi vào khủng hoảng lịch sử năm 1998. И.о. главы правительства РФ назначен Сергей Кириенко.

đổi về pháp lý và cơ chế nên Việt Nam chỉ gửi sang theo Hiệp định này có 1.300 người. Nhiều năm sau Cơ quan Di trú LB Nga mới vận dụng Hiệp định này để cấp giấy phép và quyền lao động cho công dân ta làm ăn ở Nga, còn trước đó cộng đồng Việt Nam rất khó khăn về địa vị pháp lý của công dân nước ngoài tại LB Nga. Có thể nói đây là thời kỳ khó khăn nhất về sự tồn tại hợp pháp, bởi phần lớn trong cộng đồng không đủ các điều kiện (pháp lý, kinh tế, xã hội...) để có đầy đủ trong tay các loại giấy tờ tùy thân, trừ số ít là LHS. Tình trạng vi phạm Luật Cư trú của nước bạn là phổ biến. Từ chỗ không chính thức có địa vị pháp lý nên quá trình kinh doanh, buôn bán gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc; tổn thất về người và của đã có lúc báo động.

Tính đến thời điểm cuối 1993, riêng LB Nga có khoảng 100.000 người Việt Nam, ngoài ra tại các nước cộng hòa khác thuộc Liên Xô trước đây có khoảng 30.000 người. Nhưng số này phần lớn lại quay về Nga vì ở các nước cộng hoà nói trên điều kiện làm ăn khó khăn hơn ở Nga. Ngoài ra, từ đầu thập niên 90, số người Việt Nam đi thăm thân, du lịch, du học tự túc, đi công tác ngắn hạn, sinh viên, thực tập sinh, nghiên cứu sinh... sau khi hết hạn đã ở lại Nga làm ăn cũng là những yếu tố hình thành nên cộng đồng người Việt Nam ở LB Nga hiện nay. Như vậy ở thời điểm này trừ một số sang các nước châu Âu khác làm việc, tại LB Nga có khoảng trên dưới 100.000 người Việt, trong đó số công nhân theo Hiệp ước Lao động ở lại chiếm đa số. *Có thể nói đây là thời điểm số lượng cộng*

đồng người Việt đông nhất từ trước đến nay tại LB Nga.

Tuy nhiên, để xác định chính xác số người Việt ở Nga qua từng thời kỳ cũng như hiện nay là điều rất khó khăn. Các số liệu của các cơ quan chức năng Việt Nam mỗi nơi mỗi khác, ngay cả cơ quan Ngoại kiều LB Nga hay Tổng cục Thống kê LB Nga sau đợt điều tra dân số 2002 (cho cả công dân Nga và lao động nhập cư từ các nước), số liệu cũng rất khác nhau, chênh lệch đến vài chục nghìn người. Cho đến thời điểm hiện nay, sau nhiều sóng gió về địa vị pháp lý của người Việt, dù là tạm ổn định, nhưng các phương tiện thông tin đại chúng của cả hai nước đưa ra con số người Việt tại LB Nga vẫn còn rất xa nhau: khoảng 60.000 đến 80.000 người.³ Ngoài ra, theo tài liệu của Hội người Việt tại LB Nga cho biết có khoảng hơn 200 gia đình với gần 700 người Việt Nam có quy chế Việt kiều đã nhập quốc tịch Nga.

2. Thực trạng người Việt ở Nga

2.1. Một cộng đồng trẻ, năng động, cần cù dũng cảm, dám chấp nhận thử thách khắc nghiệt và khá thuần nhất.

Như trên đã nói, cộng đồng người Việt Nam ở Nga và khu vực Liên Xô cũ là sản phẩm đặc biệt của quan hệ tốt đẹp giữa hai nước tạo nên. Ngoài ra Việt Nam có sự quy hoạch và tuyển chọn khá chặt chẽ số người được gửi sang. Họ là cán bộ công nhân viên

³ - Перепись населения 2002г. в РФ – Гражданство (Citizenship)
<http://www.quehuong.org.vn/vi/nr041215095635/nr050107191630/ns060331105018>

chức, hoặc con em của mình; các cư dân trẻ của các tầng lớp lao động ở nông thôn và thành thị chủ yếu ở miền Bắc. Đảng và Nhà nước xét tuyển và gửi họ sang để học tập hay làm việc. Từ nguồn nhân lực như thế, lại được Sứ quán Việt Nam tại LB Nga hiện nay và Liên Xô trước đây có đầy đủ các tổ chức đảng, đoàn thể, Ban Công tác Cộng đồng, Ban Quản lý lao động, Ban Quản lý LHS, Ban An ninh và Văn hóa, các hội và hiệp hội... đã xây dựng nên một cộng đồng khá thuần nhất về mặt tư tưởng so với cộng đồng người Việt ở các nước như Mỹ, Anh, Pháp, Canada, Australia... Tuyệt đại bộ phận của cộng đồng chủ yếu tập trung lo học tập, hoạt động kinh tế làm giàu chứ họ không muốn làm chính trị. Tất nhiên ở đâu đó, ở thời điểm nào đó, rải rác trong cộng đồng người Việt ở Nga vẫn có tiếng nói thiếu tin cậy, lạc lõng, thậm chí chống phá... nhưng số này rất nhỏ, không đáng kể, không thành một phong trào hay một tổ chức, bởi lập trường quan điểm của họ hoàn toàn xa lạ với cộng đồng và vì vậy bà con trong cộng đồng thường tránh né hoặc tẩy chay họ. Cộng đồng người Việt Nam tại Nga là một cộng đồng trẻ, trong đó có hơn 5.000 học sinh, sinh viên, các nhà khoa học đang học tập và công tác tại các trường đại học lớn và các viện nghiên cứu của LB Nga; có hàng trăm doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau như thương mại, đầu tư, sản xuất, tư vấn pháp luật; hàng chục nghìn người tham gia hoạt động kinh doanh trực tiếp tại các trung tâm thương mại (TTTM) và các công ty bán

buôn, bán lẻ phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân Nga trên hầu hết các thành phố lớn của LB Nga.

Tuổi cộng đồng còn rất trẻ: Kể từ khi hình thành từ thập niên 80 của thế kỷ XX đến nay khoảng 25 năm. Các thành viên của cộng đồng cũng vậy. Phần lớn trong độ tuổi được sinh ra từ những năm 60,70,80 của thế kỷ trước. Bản thân họ hoặc cha mẹ được hưởng sự giáo dục tốt dưới mái trường XHCN. Do những đặc điểm đã nêu đã tạo nên một cộng đồng người Việt ở Nga thuần nhất và năng động; cần cù, chịu khó, dũng cảm chấp nhận thử thách khó khăn ở một đất nước hoàn toàn xa lạ về tiếng nói, văn hoá, phong tục tập quán cũng như sự hiểu biết về thị trường Nga... kể cả thời tiết mùa đông khắc nghiệt. Với họ, thương mại là một nghề mới, không được đào tạo ở nhà trường; kiến thức kinh doanh buôn bán chỉ qua thực tiễn mà trưởng thành.

2.2. Một cộng đồng mà phần lớn chỉ có “doanh” nhưng hầu như không có “nghiep”

Những hạn chế đã nêu ở mục 2.1. cùng với tư duy của cộng đồng từ một đất nước nông nghiệp lạc hậu, những thói hư, tật xấu của nền sản xuất nhỏ thủ công, tiểu nông trước một môi trường văn minh hơn, trình độ công nghiệp hoá cao như Nga cộng với những thay đổi cơ chế, chính sách, sự phân hóa giai tầng trong xã hội Nga, các tiêu cực trong đời sống xã hội Nga trong thời kỳ chuyển đổi... đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự tồn tại và phát triển của cộng đồng. Các nguyên nhân nói trên sẽ được làm rõ ở bài

khác. Ở đây chỉ tập trung đi sâu về khía cạnh địa vị pháp lý, sự hiểu biết hệ thống luật lệ ở nước sở tại của cộng đồng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đây là điểm yếu cơ bản của cộng đồng, một trong những nguyên nhân rất quan trọng dẫn đến cộng đồng chỉ có “doanh” nhưng hầu như không có “nghiep”.

Đến một nước văn minh hơn Việt Nam như Nga để học tập, làm việc hay đơn giản chỉ là thăm thân hay nghỉ ngơi, chữa bệnh... đều cần phải hiểu biết luật của đất nước đó, đặc biệt các cơ quan quản lý liên quan đến người nước ngoài như Nội vụ, Ngoại kiều, Sứ quán của LB Nga tại Việt Nam. Ngoài ra, để kinh doanh chắc chắn cần phải tiếp xúc và làm việc với các cơ quan như Văn phòng Luật sư, Thuế vụ kể cả cơ quan Y tế... Ngay từ đầu trong giấy mời, sau đó là Viza được nêu rất rõ mục đích chuyến đi, làm gì và trong thời hạn bao lâu... Nếu làm việc thì thủ tục giấy tờ sau khi đã đặt chân đến Nga khá phức tạp. Sau 72 giờ phải đăng ký hộ khẩu tạm trú hoặc thường trú có thời hạn, thường lâu nhất là 12 tháng kể cả LHS. Hàng năm cơ quan chức năng Nga sẽ xem xét gia hạn tiếp hay không. Để trở thành doanh nhân, tạo ra được doanh nghiệp kinh doanh hợp pháp và đứng vững trên đôi chân của mình, ở LB Nga đòi hỏi rất nhiều giấy tờ khác nhau khá rắc rối, phức tạp. Trước hết phải có Quyền Lao động (từ 2006 trở về trước) hay Giấy phép Lao động (từ 2006 trở lại đây), sổ Y tế. Trên cơ sở đó cơ quan công an mới có căn cứ để đăng ký hộ khẩu theo thời hạn của Quyền Lao động. Dựa vào điều lệ hoạt động của

công ty nơi mình đăng ký, việc kinh doanh tiếp theo cần phải tuân thủ trong khuôn khổ đã cho phép, nghĩa là phải theo Điều lệ của công ty đã đăng ký. Ở cơ quan nào, chức trách làm gì thì chỉ được phép làm đúng như thế, không có quyền làm khác. Chẳng hạn, sinh viên không có quyền ra chợ bán hàng, hoặc đăng ký tại công ty X lại hoạt động ở công ty Y; hoặc chức danh là kế toán nhưng lại bán hàng là phạm luật. Do nhiều nguyên nhân khác nhau, phần đông người Việt ở giai đoạn sau khi Liên Xô sụp đổ cho đến khoảng năm 2002 đều không có đủ các giấy tờ tùy thân và kinh doanh nổi trên nhưng vẫn tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Việc lập công ty kinh doanh buôn bán, đóng thuế môn bài, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập... hầu như không mấy ai tiến hành. Khi có các cơ quan liên ngành kiểm tra (Công an, Thuế vụ, Ngoại kiều, Cứu hỏa, Vệ sinh dịch tễ...) thì Ban Quản trị các “ốp - chợ”, “Trung tâm Thương mại” tìm mọi cách để giải quyết ổn thỏa, kể cả trái luật. Tuyệt đại bộ phận của cộng đồng rất yếu tiếng Nga, không có thói quen hoặc không có đủ khả năng tài chính để thuê mướn luật sư giải quyết các vấn đề về sản xuất, kinh doanh hoặc bảo vệ các quyền lợi chính đáng của mình. Nhiều người còn coi những việc đó, nhất là thuê luật sư làm cố vấn là xa lạ hoặc thậm chí xa xỉ... Việc sản xuất, kinh doanh theo đúng luật còn cần Giấy phép, Giấy chứng nhận Chất lượng sản phẩm, Giấy tờ Xuất xứ hàng hoá, hóa đơn xuất, nhập, mua-bán, sổ thu, máy tính tiền với hệ thống kế toán rắc rối, phức tạp khác... Người Việt ít để ý chuyện này

hoặc đơn giản không mấy quan tâm, hoặc ngân ngại phức tạp, tốn kém... Hậu quả dẫn đến tình trạng vi phạm pháp luật của Nga trong thời gian này là phổ biến và không chỉ riêng cộng đồng người Việt mà còn ở nhiều cộng đồng người nước ngoài khác tại Nga cũng vậy. Điều này dẫn đến hậu quả tiêu cực là vô tình tiếp tay hoặc chấp nhận sử dụng các loại giấy tờ giả, hoặc trốn thuế, tránh né các cơ quan thực thi pháp luật như công an, thuế vụ, cảnh sát môi trường, ngoại kiều... dẫn đến tổn thất về hàng-tiền rất lớn, chưa nói đến nguy cơ phải trả lời trước cơ quan pháp luật. Tất cả những yếu kém nói trên dẫn đến hệ quả tất yếu: tình trạng không an tâm hoặc không dám đầu tư cho sản xuất • một cách bài bản, quy củ hoặc đầu tư sao cho hàng hóa phong phú và chất lượng cao mà chỉ làm ăn theo kiểu chụp giật, tạm bợ, tạo nhiều kẽ hở cho những kẻ thoái hóa, biến chất trong bộ máy nhà nước Nga có cơ hội cướp bóc trắng trợn, làm giàu bất chính. Cho đến thời điểm hiện nay (2008), dù thời gian đã trên 20 năm hoạt động kinh doanh ở Nga nhưng phần đông cộng đồng người Việt vẫn ở tình trạng *"Doanh không ra doanh, nghiệp không ra nghiệp"*. Trong khi đó cùng môi trường nước Nga như nhau nhưng cộng đồng người Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ... đã thành công hơn cộng đồng người Việt chúng ta. Còn người Nga? Tất nhiên họ có nhiều lợi thế và điều kiện thuận lợi lớn hơn rất nhiều so với người Việt, nhưng phải nói là cộng đồng doanh nghiệp Nga làm ăn rất bài bản, hiệu quả và như mọi người đã thấy, họ lớn

mạnh nhanh chóng đến mức làm cả thế giới phải nể phục.

Các cơ quan chức năng và Chính phủ Nga biết rất rõ và biết từ lâu sự lộn xộn đó. Tuy nhiên, nhiều việc quan trọng hơn, ưu tiên hơn hoặc cấp bách hơn chiếm phần lớn trong các kế hoạch của Chính phủ của Tổng thống V.V.Putin. Khoảng trên dưới 10 năm, Chính phủ Nga đã "thả lỏng" việc này, đã gây nên sự bất bình trong nhân dân và ở ngay cả giới chức trong sạch trong bộ máy chính quyền. Ngày nay nước Nga đã đi vào thế ổn định cả về chính trị lẫn kinh tế và xã hội với tốc độ phát triển kinh tế liên tục tăng trưởng từ 6,5-7,7%/năm và GDP khoảng 1.500/1.600/1.700/1.830 tỷ USD (2004/2005/2006/2007 - (PPP)) thì việc lập lại kỷ cương trong hệ thống bán lẻ là một tất yếu. Để chấn chỉnh và lập lại trật tự thị trường bán lẻ trên toàn bộ nước Nga, tháng 11/2006, Chính phủ Nga đã ban hành *Nghị định số 683* do Thủ tướng Mikhail Fradkov ký về việc tăng cường quản lý người nước ngoài bằng biện pháp hạn chế tham gia trực tiếp bán lẻ của họ tại các chợ, theo đó nội dung quan trọng nhất là kể từ ngày 01/4/2007 cấm người nước ngoài bán lẻ trên các chợ ở toàn nước Nga. Nghị định bắt đầu có hiệu lực một phần từ 15/01/2007 với các mặt hàng ban đầu là đồ uống có cồn, được phẩm và có hiệu lực toàn phần kể từ ngày 01/4/2007. Nghị định này được áp dụng cho tất cả những người không phải là công dân Nga, trong đó có cộng đồng người Việt⁴. Đây

⁴ Постановление Правительства РФ, от 15 ноября 2006 года, No- 683 (The governmental order of the Russian Federation, from November, 15th, 2006, No - 683) <http://www.lgl.ru/nb.aspx#1.99493>

thực sự là một thử thách lớn với cộng đồng non trẻ của chúng ta. Nghị định được thực hiện sẽ thanh lọc bớt những cá nhân cũng như tập thể “có doanh mà không có nghiệp”, không biết, không muốn hoặc không có khả năng kinh doanh bài bản, đúng pháp luật. Nghị định này đã, đang và sẽ có tác động rất lớn đối với những người buôn bán nhỏ, yếu kém nhiều mặt và không đáp ứng được so với yêu cầu mới chính đáng của nước Nga nhằm ổn định trật tự kinh doanh buôn bán theo luật định, bắt buộc cộng đồng người nước ngoài trong đó có cộng đồng người Việt phải vươn lên, trưởng thành lên nếu như không muốn bị đào thải. Rất tiếc, sau gần một năm thực hiện, *do nhiều nguyên nhân khác nhau*, đến nay (10.2007) cộng đồng người Việt không thay đổi hay lớn lên được bao nhiêu mà chỉ thành công trong việc vận dụng các kẽ hở của Nghị định để lách luật hoặc nhanh nhạy và kịp thời đưa ra được biện pháp mang tính tạm thời xử lý tình huống hoặc mang tính đối phó để tồn tại, hoặc chỉ nặng cho rằng Nghị định 683 này gây nhiều khó khăn chứ chưa thấy trong các khó khăn ấy không phải không có cơ hội để vươn lên thành một cộng đồng mạnh về kinh tế, thay đổi về chất nếp nghĩ, cách làm. Rốt cuộc, phần đông những bộ phận này khó trở thành doanh nghiệp thật sự. Số còn lại không nhiều các doanh nghiệp, các công ty tương đối lớn trong các lĩnh vực thương mại, đầu tư, sản xuất, tư vấn pháp luật, tài chính, ngân hàng... có suy nghĩ khác hơn là thời kỳ làm ăn tạm bợ, chụp giạt đã qua, nay cần phải làm ăn phải bài bản, đúng pháp luật hơn như Nghị định 638 đòi hỏi. Chính những đội ngũ này vừa có “doanh” lại vừa có “nghiệp”, tạo nên hình ảnh doanh

nhân mới Việt Nam tại Nga, được chính quyền và nhân dân sở tại nể trọng. Tuy nhiên, số doanh nhân và doanh nghiệp thành đạt này không nhiều, chỉ có thể đếm trên đầu ngón tay.

Trong các loại hình hoạt động thì thương mại chiếm số đông. Hàng chục nghìn người tham gia hoạt động kinh doanh trực tiếp tại các trung tâm thương mại và các công ty bán buôn, bán lẻ phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người Nga ở hầu hết các thành phố lớn, nhỏ. Trong số hàng chục nghìn này phần lớn lại là buôn bán nhỏ, vốn liếng không lớn, bấp bênh và không ổn định. Chủng loại hàng thường là vải vóc, quần áo, giày dép là chủ đạo và nói chung kém phong phú. Nguồn hàng chủ yếu từ các quốc gia như Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Italia, Nga, Ấn Độ, Bangladesh, Indonêxia, Việt Nam... Do vốn nhỏ và thường không trực tiếp nhập khẩu nguồn hàng từ các nước nói trên mà mua lại của các nhà nhập khẩu lớn nhỏ khác nhau cộng với sự tiêu cực của một bộ phận hải quan, biên phòng... nên rất nhiều mặt hàng mà người Việt kinh doanh thuộc diện trốn thuế hoặc xuất xứ không rõ ràng, thiếu tính pháp lý. Chất lượng hàng thường thấp, chỉ phù hợp với cư dân bản địa ít tiền. Một số ít khác kinh doanh hàng điện tử, nhà hàng, thực phẩm và các mặt hàng khác phục vụ cho đời sống thường nhật của người Nga.

Tất cả những phân tích trên cho thấy việc kinh doanh những mặt hàng như vậy trở nên nguy hiểm trong cộng đồng. Tâm lý luôn nơm nớp lo sợ bị tịch thu, tiêu huỷ hay phạt nặng, thậm chí nguy cơ bị trục xuất hoặc

phải trả lời trước cơ quan pháp luật. Sự kiện “Đôm 5 mới” tháng 5/1994 là một ví dụ điển hình. Cũng từ những nguyên nhân trên nên ở đa số những người kinh doanh nhỏ, bán lẻ trong cộng đồng đã xuất hiện tư tưởng bấp bênh, hoặc kinh doanh không ổn định, tạm bợ, chộp giật; không muốn hoặc càng không có đủ điều kiện làm ăn bài bản đúng luật... Nghị định số 836, ngày 15/11/2006 của Chính phủ Nga đã hình thành một trật tự mới và ngày càng phát triển, sẽ tạo vị thế kinh doanh cho các doanh nghiệp Việt Nam tại Nga. Rõ ràng rằng sau Nghị định này, người Việt hoặc là muốn trở thành chủ thể kinh doanh thay vì là đối tượng bị khai thác thì buộc phải tự hoàn thiện để phù hợp với pháp luật, trật tự ở đây hoặc không đáp ứng được thì sự đào thải là tất yếu.

2.3. Những đóng góp không nhỏ của cộng đồng người Việt ở Nga

Hiện nay, LB Nga đứng hàng thứ 9 trong số các đối tác đầu tư vào Việt Nam với tổng số vốn hơn 1,4 tỷ USD, trong đó số vốn đã thực hiện đạt hơn 330 triệu USD (trừ liên doanh dầu khí Việt Xô Petro - VSP)⁵, còn Việt Nam hiện có 13 dự án đầu tư tại Nga với tổng vốn khoảng 72 triệu USD (trừ các công ty, các tập đoàn hoàn toàn của người Việt hoặc xí nghiệp liên doanh đã, đang tồn tại ở LB Nga hàng chục năm nay). Nếu dự án Trung tâm Thương mại Việt Nam tại Nga có tổng vốn đầu tư ban đầu là 35 triệu USD, nay phía Nga yêu cầu có thể lên đến khoảng 100

triệu USD thì tổng vốn Việt Nam đầu tư vào Nga không dừng lại ở con số 72 triệu USD nữa mà có thể lên đến một con số cao hơn⁶. Tuy nhiên, nếu nhìn vào phần lớn các lĩnh vực đầu tư của cộng đồng Việt Nam vào Nga có quy mô nhỏ lẻ, phân tán, chủ yếu là hoạt động thương mại, chế biến thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng... luôn gặp không ít khó khăn trở ngại vì bộ máy hành chính quan liêu, tham nhũng, thanh toán thương mại quốc tế rắc rối, phức tạp, thiếu minh bạch và giá cả sinh hoạt thuộc vào loại đắt đỏ nhất thế giới thì mới thấy hết được sự cố gắng và nỗ lực rất lớn của cộng đồng chúng ta ở Nga⁷.

Cộng đồng Việt Nam tại Nga là một cộng đồng cần cù, dũng cảm, đoàn kết, gắn bó. Trong hoạt động kinh doanh, các trung tâm thương mại của người Việt Nam tại Matxcova đóng vai trò đầu tàu. Một mạng lưới phân phối, bán buôn, bán lẻ đã được hình thành rộng khắp Liên Xô cũ và Nga ngày nay, trải dài 11 múi giờ từ đông sang tây, với mùa đông khắc nghiệt (có nhiều vùng nhiệt độ rất thấp, từ -30 đến -40°C), 24/24 giờ liên tục không ngơi nghỉ trên tất cả các phương tiện giao thông của nước bạn. Nhiều khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua: nạn tham nhũng, hối lộ, hách dịch, cửa quyền tràn lan cùng với vấn nạn cướp bóc

⁵ Bộ Công nghiệp Việt Nam
<http://irv.moi.gov.vn/News/PrintView.aspx?ID=12464>

⁶ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế-xã hội Việt Nam
<http://thongtindubao.gov.vn/Default.aspx?mod=News&cat=12&nid=2923>

⁷ Bộ Ngoại giao Việt Nam: Việt Nam và Nga thúc đẩy hợp tác kinh tế, 8.9.2007-
<http://www.mofa.gov.vn/vi/nr040807104143/nr040807105039/ns070911091819>

trắng trợn của bọn xã hội đen..., tuy vậy hàng hoá vẫn ngày đêm được đưa đến tất cả các vùng, miền nước Nga. Giữa các đơn vị người Việt Nam ở Matxcova và các vùng miền có sự liên kết và phối hợp tương đối chặt chẽ. Mô hình sản xuất và dịch vụ bước đầu được các chủ doanh nghiệp Việt Nam khai thác, thu hút một số lượng lao động đáng kể là bà con trong cộng đồng và người địa phương. Những đơn vị sản xuất, kinh doanh lớn của người Việt Nam như Tập đoàn kinh doanh thực phẩm Rolton, Mivimex, Alexan-Sophia, các TITM Dom 5 mới; Saliut 1,2,3,4,5; Sông Hồng 1,3,5; Togi-Asean; Lion, Phương Đông, TITM Quốc tế KT, Xí nghiệp may LIVA ở Matxcova, công ty Vonga - Việt ở thành phố Volgograd, FG Group..., đã và đang kinh doanh và sản xuất ra các mặt hàng chất lượng phù hợp thị hiếu và thu nhập trung bình của đông đảo người Nga. Ngoài ra, chúng ta hoàn toàn có niềm tự hào là thông qua những hoạt động sản xuất kinh doanh... đã đang và sẽ tạo công ăn việc làm không chỉ cho hàng chục nghìn người Việt tại Nga mà còn cho cả người Nga và công dân nhiều nước khác sống và làm việc tại Nga và con số này không nhỏ.

Các doanh nghiệp trong cộng đồng là “cầu nối” giữa các doanh nghiệp Nga với thị trường Việt Nam. Từ khi Nhà nước ta có chính sách động viên và tạo điều kiện cho người Việt Nam ở nước ngoài về quê hương tham gia xây dựng đất nước, Hội người Việt Nam tại Nga phối hợp với Đại sứ quán nước ta đã có nhiều hoạt động động viên các doanh nghiệp Việt Nam tại Nga đầu tư về

trong nước. Không ít doanh nghiệp đã đầu tư thành công vào thị trường Việt Nam.

Cộng đồng người Việt tại Nga cũng là “cầu nối” để các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào thị trường Nga. Các doanh nghiệp Việt Nam đang hoạt động tại Nga là những người quảng bá tích cực nhất cho các mặt hàng chất lượng cao của Việt Nam. Thông qua hệ thống cửa hàng của người Việt Nam, những sản phẩm công nghiệp nhẹ, nông sản, thực phẩm của Việt Nam đã từng bước chiếm lĩnh một phần thị trường tiêu dùng Nga. Các công ty du lịch do người Việt Nam tại Nga thành lập đã góp phần không nhỏ vào việc thu hút khách du lịch Nga đến Việt Nam.

Cộng đồng người Việt Nam tại Nga có nhiều hoạt động đối ngoại nhân dân nhằm góp phần phát triển và tăng cường quan hệ hữu nghị truyền thống, sự hợp tác cùng có lợi với nhân dân Nga. Trước hết phải kể đến sự phối hợp chặt chẽ giữa Hội người Việt Nam với các tổ chức xã hội Nga. Hội người Việt Nam thường xuyên duy trì, chăm lo mối quan hệ tốt đẹp với Hội Hữu nghị Nga – Việt, các tổ chức cựu chiến binh, Quỹ Hòa bình Nga... Hằng năm, vào dịp kỷ niệm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4) và Ngày Chiến thắng phát-xít (9/5), Hội tài trợ tổ chức các đoàn cựu chiến binh Nga và Việt Nam sang thăm lẫn nhau.

Cộng đồng Việt Nam tại Nga luôn hướng về quê hương đất nước và sống nhân ái chan hoà, luôn thương yêu, đùm bọc lẫn nhau trong mọi mặt cuộc sống. Những người gặp hoàn cảnh khó khăn, cơ nhỡ đều nhận

được sự quan tâm, hỗ trợ của các chi hội, của các công ty, trung tâm thương mại và của bà con trên địa bàn. Vào dịp lễ tết và những ngày lễ lớn của dân tộc, các đơn vị người Việt Nam đều có những hình thức tổ chức kỷ niệm phong phú. Đã thành truyền thống, khi bà con ở một địa phương nào gặp rủi ro, Hội người Việt Nam tại Nga lại vận động các chi hội và những người hảo tâm khắp nước Nga giúp đỡ, động viên kịp thời.

Cộng đồng Việt Nam là cộng đồng luôn hướng về cội nguồn và có mối liên hệ mật thiết với đồng bào trong nước. Người Việt Nam tại Nga nhiệt tình hưởng ứng các đợt quyên góp, giúp đỡ đồng bào trong nước bị thiên tai, ủng hộ nạn nhân chất độc da cam ở Việt Nam và gửi tiền góp phần giúp đỡ thương binh, gia đình liệt sĩ trong nước.

Một mảng hoạt động được các công ty, đơn vị người Việt Nam tại Liên bang Nga quan tâm thường xuyên là hoạt động từ thiện tại địa bàn cư trú. Hằng năm, Hội người Việt Nam tại Nga và các trung tâm, tổ hợp thương mại, công ty, xí nghiệp của người Việt dành ra những khoản tiền nhất định để mua sắm quần áo tặng trẻ em mồ côi; tặng quà năm mới cho người cao tuổi; hỗ trợ tôn tạo, sửa chữa trường mẫu giáo, nhà trẻ của các địa phương Nga... Những hoạt động xã hội của Hội người Việt Nam tại Nga góp phần tạo thêm điều kiện thuận lợi cho cuộc sống của người Việt Nam ở nước bạn và vun đắp, tăng cường mối quan hệ hữu nghị truyền thống lâu đời giữa hai dân tộc anh em Nga-Việt.

Tháng 1/2004, Hội người Việt Nam tại Liên bang Nga được thành lập với mục đích là tập hợp, đoàn kết, bảo vệ và hỗ trợ cộng đồng trong các hoạt động làm ăn, sinh sống ở nước sở tại; đẩy mạnh hoạt động nhằm góp phần củng cố, phát triển tình hữu nghị tốt đẹp giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Liên bang Nga; tích cực động viên cộng đồng hướng về quê hương, đất nước. Cho đến nay Hội đã có 3 tiểu Ban hoạt động là Tiểu ban Đối ngoại, Văn hoá - Xã hội, Tiểu ban Pháp luật-An ninh, Tiểu ban Kinh tế - Tài chính và 20 Chi hội cơ sở bao trùm khắp các vùng miền của nước Nga⁸.

2.4. Những hạn chế không nhỏ của cộng đồng người Việt ở Nga

Trước hết, đó là một cộng đồng thiếu sự chuẩn bị và ít được trang bị các kiến thức cần thiết khi xuất ngoại để làm ăn. Sự thiếu chuẩn bị đó đã vấp phải khó khăn ngay lập tức khi vừa đặt chân đến cửa khẩu nước Nga: rào cản ngôn ngữ, sự khác biệt chủng tộc và đặc tính khép kín, khép mình pha chút tự ty, mặc cảm thiếu sự mạnh dạn, tự tin trước đám đông, trước đất nước và con người văn minh hơn. Một trong những yêu cầu tối thiểu trong giao tiếp là cần phải biết về ngôn ngữ của nước mình đến làm việc. Nắm được ngôn ngữ của nước sở tại không khác gì trong tay

⁸ Báo cáo của Chủ tịch Hội người Việt Nam tại LB Nga trong buổi Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng gặp gỡ cộng đồng người Việt, nhân dịp chuyến thăm chính thức Liên bang Nga từ ngày 9-12/9/2007.
<http://hoinguoiviet.ru/vi/index.php?mdn=News&op=viewst&sid=68>
<http://www.quehuong.org.vn/vi/nr041215095635/nr050107191630/ns050111144902>

mỗi chúng ta có chiếc chìa khoá vàng để mở cửa kho báu. Tiếc rằng phần đông cộng đồng người Việt tại Nga không biết hoặc biết rất ít tiếng Nga. Đây là một hạn chế không nhỏ trong quá trình hội nhập, sống và làm việc trên đất bạn. Từ hạn chế này cộng với bản tính rụt rè cố hữu, khép mình, ngại tiếp xúc, ngại giao tiếp trước một chủng tộc, một đất nước văn minh hơn dẫn đến sống co cụm, riêng biệt tại các “ốp” tập thể của người Việt và chủ yếu nói tiếng Việt với nhau mà ít nói tiếng Nga. Càng rụt rè, càng co cụm thì càng ít giao tiếp dẫn đến càng ít có điều kiện hiểu biết về đất nước, con người bản xứ. Và ngược lại, người Nga cũng không có dịp để hiểu biết thêm về con người đất nước Việt Nam, thậm chí trong một số trường hợp có những hiểu biết không đúng về nhau. Điều này gây rất nhiều khó khăn trong quá trình kinh doanh, buôn bán và sự phát triển của cộng đồng chúng ta tại Nga.

Kiến thức tối thiểu về tổ chức quản lý sản xuất, kinh doanh; những vấn đề về tài chính và sự hiểu biết về thị trường địa bàn kinh doanh cũng là điểm yếu của cộng đồng người Việt tại Nga. Tuyệt đại bộ phận không được trang bị ở trường lớp từ Việt Nam các kiến thức tối thiểu về tổ chức quản lý, sản xuất, kinh doanh mà chủ yếu tự mày mò học hỏi qua thực tiễn cuộc sống và làm việc. Điều này cũng tốt nhưng cái giá phải trả khá đắt mới có được bài học cho cộng đồng hôm nay. Vấn đề tài chính và sự hiểu biết về thị trường Nga cũng không khá hơn nếu như không muốn nói là yếu kém. Kinh nghiệm thực tiễn nhiều năm cho thấy là để có thể

kinh doanh nhỏ, lẻ mà lợi nhuận thường chỉ đủ các chi phí cho tái sản xuất giản đơn như tiền ăn ở, đi lại, giấy tờ tùy thân, nhập hàng hoá, thuê địa điểm kinh doanh... trên thị trường Nga đòi hỏi vốn tối thiểu phải từ 50 triệu đến 70 triệu VND tức khoảng 100.000-150.000 rub (4.000 - 5.000USD)⁹- khó hy vọng tái sản xuất mở rộng hay tích lũy.

Những năm 1990 của thế kỷ trước đến đầu thế kỷ XXI là khoảng thời gian nước Nga chuyển đổi và phát triển nền kinh tế, mô hình “ốp - chợ” hay “Trung tâm Thương mại” của người Việt Nam thực sự đã bước đầu đáp ứng được nhu cầu của một bộ phận dân cư của nước Nga có thu nhập thấp. Tuy nhiên, đến nay nền kinh tế Nga ngày một phát triển với tốc độ tăng trưởng hàng năm khá cao, từ 6,5-7,7% và thu nhập bình quân tính theo đầu người ngày một tăng (năm 2006 là 12.178 USD) thì các mô hình cũ “ốp - chợ”, “Trung tâm Thương mại” của người Việt tỏ ra không còn phù hợp, dần dần đuối sức, ngày càng khó cạnh tranh về chất lượng, giá cả, mẫu mã và điều kiện phục vụ với các siêu thị tiêu chuẩn châu Âu hiện đại. Ngoài ra, *Nghị định số 683* do Thủ tướng Mikhail Fradkov ký về việc tăng cường quản lý người nước ngoài bằng biện pháp hạn chế tham gia trực tiếp bán lẻ của họ tại các chợ, các thủ tục giấy tờ tùy thân, kinh doanh buôn bán... ngày càng đi vào nề nếp và chặt chẽ hơn trước đã góp phần đẩy nhanh các mô hình cũ “ốp - chợ”, “Trung tâm Thương mại” teo lại và chấm dứt hoạt động, mặc dù các chủ

⁹ Рынок наличной валюты-Данные на 12:49 18/10/2007
<http://www.rbc.ru/cash/-P>

doanh nghiệp người Việt và bà con cộng đồng rất cố gắng duy trì sự tồn tại của chúng. Trong khoảng thời gian từ 2005-2007, các Trung tâm Thương mại lớn như "Saliut", "Phuong Dong", "Song Hong", "Lion", "TOGI"... lần lượt đóng cửa vĩnh viễn. Các chủ doanh nghiệp của các TTTM người Việt nói trên hoặc có thể do không đủ tri thức, khả năng vốn liếng và trình độ quản lý để xây dựng siêu thị như người Nga, Mỹ, Đức; hoặc họ cũng cảm thấy phức tạp về việc đối phó với tình hình mới cho mô hình cũ; hoặc đơn giản là lợi nhuận bị giảm sút, không tương xứng với công sức bỏ ra mà rủi ro lớn... nên họ đã nhanh chóng chuyển đổi cơ cấu kinh doanh (như Lion) hoặc đầu tư sang lĩnh vực khác hoặc chuyển vốn về đầu tư ở Việt Nam... Nhiều nghìn người Việt bị mất địa điểm kinh doanh quen thuộc và phù hợp với khả năng, trình độ kinh doanh của mình đã không khỏi lúng túng và lo lắng cho tương lai của mình. Đây là thời điểm khó khăn không nhỏ của cộng đồng người lao động Việt Nam tại Nga hiện nay.

Sẽ không đầy đủ nếu không nhắc đến một điểm yếu cơ bản khác là ý thức tìm hiểu và chấp hành luật pháp cũng như văn hoá, phong tục tập quán của nước sở tại. Điều này có nguồn gốc sâu xa của nó: từ một đất nước tiểu nông, sản xuất nhỏ nghèo nàn, lạc hậu nên ngay tại chính trên đất nước Việt Nam, nói chung người Việt cũng mắc điểm yếu cố hữu này. Khi ra nước ngoài lại bị nhiều hạn chế khác đã nêu ở trên, cộng với sự lo toan để kiếm kế sinh nhai và tồn tại trên đất khách quê người nên sự yếu kém càng bộc lộ sâu

sắc. Đây là một hạn chế rất lớn khiến cho cộng đồng chậm lớn mạnh.

3. Vài suy nghĩ bước đầu và kiến nghị

Từ lâu vấn đề cộng đồng người Việt ở nước ngoài (NVNONN) đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước quan tâm chú ý, nhưng có thể nói Nghị quyết số 36/NQ-TW ngày 26/3/2004 của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài¹⁰ là một nghị quyết toàn diện về công tác NVNONN.

Thứ nhất, Nghị quyết tái khẳng định một cách công khai và mạnh mẽ những chủ trương, chính sách ưu đãi của Nhà nước dành cho bà con Việt kiều.

Thứ hai, Chỉ rõ cho các bộ, ngành của Việt Nam nhận thức được rằng việc thực hiện chính sách sẽ luôn được sự theo dõi, đánh giá sát sao của dư luận trong và ngoài nước.

Điểm mới nổi bật ở Nghị quyết này là lần đầu tiên đã xác định rõ trách nhiệm của Nhà nước đối với cộng đồng NVNONN.

Trước đây, việc bảo hộ NVNONN với tư cách là công dân (đối với những người mang quốc tịch Việt Nam) hoặc bảo vệ họ với tư cách đồng bào (đối với những người đã nhập quốc tịch nước khác) có được đề cập nhưng chưa nhấn mạnh, và trên thực tế giải quyết hay can thiệp, bảo vệ có hiệu quả và kịp thời quyền lợi chính đáng của Việt kiều. Nghị quyết 36 khẳng định Nhà nước có trách

¹⁰ Bộ Ngoại giao CHXHCN Việt Nam - Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị về Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài - http://www.mofa.gov.vn/vi/vd_quantam/ns041215094700

nhệm bảo vệ quyền lợi chính đáng của cộng đồng NVNONN theo luật pháp, công ước và thông lệ quốc tế.

Cuối cùng, điểm mới nổi bật thứ ba là trong phần đề cập tới trách nhiệm của bà con đối với đất nước đã không đặt nặng nghĩa vụ đóng góp của bà con. Trước đây, vẫn có nếp nghĩ cho rằng NVNONN là những người có đời sống sung túc hơn nhân dân trong nước, do vậy thường chỉ nghĩ tới nghĩa vụ đóng góp của họ, chú trọng tới khía cạnh “khai thác”.

Nghị quyết lần này nêu rõ Nhà nước khuyến khích bà con đề cao trách nhiệm đối với bản thân mình trước, như thực hiện tốt hội nhập, thực hiện nghiêm chỉnh luật pháp sở tại... rồi cuối cùng mới là tùy theo điều kiện và khả năng của mỗi người mà góp phần xây dựng quê hương đất nước.

Những điểm đổi mới này chứng tỏ sự quan tâm và thấu hiểu của Nhà nước đối với cuộc sống và cả những khó khăn mà cộng đồng NVNONN đã và đang gặp phải.

Mặc dù Nghị quyết 36 về người Việt Nam ở nước ngoài đã ra đời gần 4 năm, song cho đến nay vẫn có những điều, khoản được đề ra trong Nghị quyết chưa được thực hiện hoặc thực hiện chưa toàn diện. Đảng và Nhà nước cần có những hình thức và biện pháp khác nhau, nhưng cần mạnh mẽ hơn để đẩy nhanh tiến trình thực hiện Nghị quyết, biến Nghị quyết thành hiện thực nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho kiều bào nói chung, người Việt Nam ở Liên bang Nga nói riêng.

Cộng đồng người Việt Nam tại Nga cũng rất quan tâm đến chính sách thu hút nhân tài của nhà nước ta. Bên cạnh chính sách thu hút nguồn lực bên ngoài, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ, khuyến khích các nhân sĩ, trí thức, những người hoạt động khoa học, các sinh viên đang công tác và học tập tại LB Nga về phục vụ Tổ quốc. Có chính sách ở tầm vĩ mô để xử lý các vấn đề hậu hợp tác lao động giữa Nga và Việt Nam nói riêng và sớm hình thành chiến lược những cộng đồng người Việt ở nước ngoài, không chỉ riêng tại LB Nga thông qua kinh nghiệm học hỏi các nước láng giềng giàu kinh nghiệm.

Kiến nghị Chính phủ quan tâm, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi nhất để cộng đồng người Việt Nam tại Liên bang Nga cũng như Hội người Việt Nam tại Nga có địa vị pháp lý vững chắc hơn, chẳng hạn cộng đồng người Việt (không chỉ tại Nga) có thể được phép mang hai quốc tịch, nhằm phát triển và hội nhập ngày càng sâu rộng vào xã hội Nga. Có kế hoạch và chương trình nghị sự cụ thể hàng năm, không nhất thiết cứ phải chờ đợi đến khi các đoàn cấp cao viếng thăm chính thức mới có nội dung làm việc với Ban Lãnh đạo của Nga hoặc nhân đó mới kiến nghị họ tạo điều kiện thuận lợi để cộng đồng chúng ta có thể làm ăn, sinh sống và học tập lâu dài.

Tóm lại, một cộng đồng người Việt như đã đề cập ở trên là một thế mạnh không dễ gì một quốc gia khác có được ở một thị trường rộng lớn như LB Nga với dự báo đến năm 2020 là một trong 5 nền kinh tế lớn nhất thế giới. Đây là dự báo hoàn toàn có cơ sở khoa

học. Do vậy, đầu tư phát triển thị phần cho hàng Việt Nam và chăm lo đến sự phát triển cộng đồng người Việt ở Nga cần phải được chú trọng ngay từ bây giờ, tuy là đã muộn! Nhưng tiếng Nga có câu “*Лучше поздно, чем никогда*” - Muộn còn hơn không! Vì vậy Việt Nam không thể đánh mất thị trường Nga, vì nếu mất thị trường của ngõ này thì chúng ta mất luôn thị trường Đông Âu và logic tự nhiên tiếp theo là sớm hay muộn cũng sẽ làm suy yếu cộng đồng người Việt ở đây và kể cả Đông Âu!.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Phạm Xuân Nam: *Đổi mới chính sách xã hội, luận cứ và giải pháp*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997;
2. Trần Trọng Đăng Đàn: *Người Việt Nam ở nước ngoài*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997;
3. *Phác họa toàn cảnh lịch sử di dân Việt Nam ra nước ngoài*, Sài Gòn Giải Phóng, số ra ngày 5, 6, 7, 8, 9 tháng 2 năm 1996.
4. Trần Trọng Đăng Đàn: *Người Việt Nam ở nước ngoài đầu thế kỷ XXI: số liệu và bình luận*.
<http://www.quehuong.org.vn/vi/nr041215095635/nr050107191630/ns060322152406>
5. *Hợp tác chiến lược Việt-Nga: Những quan điểm, thực tiễn, triển vọng*. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2007.
6. Nguyễn Hoàng Giáp: *Khủng hoảng kinh tế – xã hội ở LB Nga*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 12(6)/1996.
7. Nguyễn Quang Thuận: *Nhìn lại kết quả cải cách trong nhiệm kỳ đầu của Tổng thống Putin*, Tạp chí Những vấn đề Kinh tế thế giới, số 97(5).
8. Радыгин Александр Дмитриевич: *Россия в 2000-2004 годах на пути к государственному капитализму*, Институт экономики переходного периода, Вопросы экономики, No-46 2004г.
9. *Российская экономика в 2006 году. Тенденции и перспективы*. Серия: *Российская Экономика: Тенденции и Перспективы*. Институт экономики переходного периода (Выпуск 28), 02.04.2007г.
<http://www.ieta.ru/publication.php?folder-id=44&publication-id=92721>, tải ngày 10/01/2008
10. ВЬЕТНАМСКАЯ ДИАСПОРА В РОССИИ <http://quehuong.narod.ru/diaspor.htm>, tải ngày 10/01/2008
11. Наталья Лебедева: *Для нас бамбук как для вас березка*.
12. *Почему вьетнамцы хотят учить русский язык и работать в России*, "Российская газета" - Центральный выпуск №3936 от 28 ноября 2005 г.
<http://www.rg.ru/2005/11/28/vjetnamcy.html>, tải ngày 10/01/2008.